

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-6-2018

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Ông Phùng Hiếu Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12/4/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1969

ĐKTT: 531/3B, Khóm A, Phường B, thành phố S, Đồng Tháp

Bị đơn: Chị Lưu Kim L, sinh năm 1969

ĐKTT: 531/3B, Khóm A, Phường B, thành phố S, Đồng Tháp

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2018, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì anh T và chị L tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng vào năm 1994, nhưng không có đăng ký

kết hôn. Từ sau khi đám cưới cho đến nay, vợ chồng sống không có hạnh phúc do tính tình, quan điểm sống không phù hợp. Chị L không làm tròn trách nhiệm với gia đình chồng, vui thì làm đám giỗ cha mẹ chồng không vui thì bỏ nhà đi, sống không thuận thảo với chị em bên chồng, tự ý lấy giấy tờ nhà đất của vợ chồng đi cầm mà không cho anh T biết. Vì con con nhỏ, anh T đã cố gắng chịu đựng chung sống với chị L để cho con có đầy đủ cha mẹ. Nhưng nay anh T cảm thấy chung sống với chị L không có hạnh phúc, cuộc sống chung quá mệt mỏi, do đó anh T yêu cầu ly hôn chị L.

- Về con chung: Có 01 con tên Trần Nhật D, sinh ngày 11/12/1995. Con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Căn nhà và phần đất tại số 531/3B, Khóm 2, Phường 1, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp. Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lưu Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L thống nhất theo lời trình bày của anh T về thời gian chung sống với nhau. Quá trình chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2001 phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Nhưng chị L đã tha thứ cho anh T và vợ chồng tiếp tục chung sống cho đến tháng 6/2016 thì tiếp tục có mâu thuẫn. Trong thời gian này, mỗi lần vợ chồng cự cãi, thì anh T tự nấu cơm ăn một mình. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn chung sống vui vẻ cho đến tháng 3/2018 chị L phát hiện anh T có mua vật tư xây nhà nhưng xây nhà cho ai thì anh T không nói với chị L. Từ đó vợ chồng cự cãi và anh T nộp đơn xin ly hôn chị L. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Chị L đồng ý ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 01 con tên Trần Nhật D, sinh ngày 11/12/1995. Con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Căn nhà và phần đất tại số 531/3B, Khóm 2, Phường 1, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp. Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị L. Về con chung đã thành niên; về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Lưu Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của Anh Trần Quốc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Trần Quốc T và chị Lưu Kim L chung sống vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. ...” .

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay, anh T và chị L phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh T và chị L đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa anh T và chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không còn phù hợp. Anh chị thường xuyên cự cãi, làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc. Những lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh T lại tự nấu cơm ăn riêng. Trong cuộc sống vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do anh T và chị L không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..”.

Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không có giá trị về mặt pháp lý. Do đó, anh T yêu cầu ly hôn chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận anh T và chị L là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Nhật D, sinh ngày 11/12/1995. Con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về án phí: Anh T nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 71, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Anh Trần Quốc T về việc yêu cầu ly hôn chị Lưu Kim L.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Trần Quốc T và chị Lưu Kim L.

2. Về con chung: Có 01 con tên Trần Nhật D, sinh ngày 11/12/1995. Con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Quốc T nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp ngày 12/4/2018 theo biên lai thu số 0004384 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPS;
- THA Dân sự TPS;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy

